

BẢNG ĐIỂM SINH VIÊN

Học phần : 0671016 - Vật lý đại cương 1  
Lớp :

STC : 2(30,0,0,0,0,0)      Lần thi : 2  
Năm học : 2013-2014      Học kỳ : 1

| STT | Họ và tên           |  | MSSV       | Ngày sinh  | Điểm thi    |             | Điểm TKHP | Ghi chú |
|-----|---------------------|--|------------|------------|-------------|-------------|-----------|---------|
|     |                     |  |            |            | Giữa học kỳ | Cuối học kỳ |           |         |
| 1   | Bùi Như Ý           |  | 3771040011 | 04/11/1993 | ,00         | ,00         | ,00       | CT      |
| 2   | Nguyễn Thanh Chương |  | 3771040076 | 21/08/1995 | 6,00        | 5,80        | 5,90      |         |
| 3   | Phan Ngọc Cường     |  | 3771040080 | 01/12/1995 | 5,00        | 5,00        | 5,00      |         |
| 4   | Huỳnh Ngọc Thanh    |  | 3771040085 | 30/03/1995 | ,00         | ,00         | ,00       | CT      |
| 5   | Nguyễn Văn Quý      |  | 3771040221 | 13/01/1995 | 7,00        | 5,80        | 6,20      |         |
| 6   | Nguyễn Trọng Nghĩa  |  | 3771040229 | 04/09/1994 | 7,00        | 3,00        | 4,20      |         |
| 7   | Lê Văn Tài          |  | 3771040253 | 07/05/1995 | 8,00        | 8,50        | 8,40      |         |
| 8   | Phùng Văn Trọng     |  | 3771040258 | 05/09/1995 | 7,00        | 5,80        | 6,20      |         |
| 9   | Nguyễn Thành Thoại  |  | 3771040278 | 20/04/1995 | 8,00        | 5,80        | 6,50      |         |
| 10  | Trần Văn Luận       |  | 3771040287 | 15/07/1993 | 8,00        | 5,00        | 5,90      |         |
| 11  | Trịnh Văn Hiền      |  | 3771040362 | 10/12/1995 | 6,00        | 4,80        | 5,20      |         |
| 12  | Lê Tấn Hiệp         |  | 3771040375 | 21/09/1995 | 8,00        | 3,50        | 4,90      |         |
| 13  | Nguyễn Đức Anh      |  | 3771040406 | 04/12/1993 | 6,00        | 7,50        | 7,10      |         |
| 14  | Trịnh Đình Đạt      |  | 3771040492 | 01/11/1995 | 5,00        | 5,80        | 5,60      |         |
| 15  | Lê Đức Hải          |  | 3771040765 | 28/09/1994 | 8,00        | 5,50        | 6,30      |         |
| 16  | Nguyễn Hồng Khanh   |  | 3771040948 | 24/05/1995 | 9,00        | 8,00        | 8,30      |         |
| 17  | Nguyễn Minh Nhật    |  | 3771041127 | 25/08/1995 | 5,00        | 8,00        | 7,10      |         |
| 18  | Nguyễn Quang Toà    |  | 3771041173 | 15/08/1995 | 8,00        | 5,30        | 6,10      |         |
| 19  | Huỳnh Văn Phúc An   |  | 3771050026 | 11/03/1995 | 8,00        | 5,00        | 5,90      |         |
| 20  | Trần Chí Cường      |  | 3771050657 | 10/07/1995 | 7,00        | 5,80        | 6,20      |         |

Tổng số : SV

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 04 năm 2014

Người lập bảng điểm  
(Họ tên và chữ ký)

Phòng Quản Lý Đào Tạo  
(Họ tên và chữ ký)